

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 12 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Việt Bắc

Bà Lưu Xông Pha

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1977 (Có mặt);

*Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn D chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung bao gồm: Trần Ngọc B, sinh ngày 25/11/1997; Trần Mỹ Q, sinh ngày 12/9/2003 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 19/9/2016.

Đối với Trần Ngọc B và Trần Mỹ Q: Do các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với Trần Tiến Đ: Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con; yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Trần Văn D:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D để tham dự phiên tòa nhưng anh D không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D về các nội dung khởi kiện của chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh D.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung bao gồm: Trần Ngọc B, sinh ngày 25/11/1997; Trần Mỹ Q, sinh ngày 12/9/2003 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 19/9/2016.

Đối với các cháu Trần Ngọc B, Trần Mỹ Q: Do các cháu đã thành niên, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Trần Tiến Đ: Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Xét thấy, hiện nay cháu Đ còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ, hơn nữa chị H xác định có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Xét thấy, mức cấp dưỡng chị H yêu cầu phù hợp với điều kiện sinh hoạt tại địa phương, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh D cấp dưỡng cho cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ thành niên là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định sẽ tự thỏa thuận với anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh D về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh D về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn, bị đơn anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 19/9/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ mà không ai được cản trở. Anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Đ được sống chung với chị H.

Buộc anh Trần Văn D cấp dưỡng cho cháu Trần Tiến Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Đ thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

#### **1. Án phí:**

- Chị Trần Thị H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004061 ngày 19/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ, chuyển thu.

- Anh Trần Văn D phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Văn D có

quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Lê Thị Hồng Hà**